

Bản án số: 121/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 07/12/2018.

V/v “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUYỀN MỘC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Đức Vinh.

2. Ông Nguyễn Hoàng Thân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thành – Thư ký tòa án nhân dân huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà **Phạm Thị Lệ Thủy** – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 12 năm 2018 tại Tòa án nhân dân huyện XM xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 469/2018/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2018 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 121/2018/QĐXXST – HNGĐ ngày 19 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Quốc V, sinh năm: 1979 (Vắng mặt có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn TT, xã TT, huyện KX, tỉnh Thái Bình.

Bị đơn: Bà Hoàng Thị U, sinh năm: 1980 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp TS 2B, xã PT, huyện XM, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 24/8/2018 và bản khai nguyên đơn – Ông Nguyễn Quốc V trình bày:

Ông V xây dựng gia đình với bà U vào năm 2009 có đăng ký kết hôn tại UBND xã PT, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, hôn nhân là trên cơ sở tự nguyện. Cuộc sống chung hạnh phúc đến đầu năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do tính tình không hợp nhau, vợ chồng bất đồng quan điểm sống từ đó ông V và bà U thường xuyên cãi vã, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Bà U đã bỏ về nhà cha mẹ ruột ở ấp TS 2B, xã PT, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu sinh sống còn ông V vẫn sống ở xã TT, huyện KX, tỉnh Thái Bình. Từ đầu năm 2015 cho đến nay, ông V và bà U ly thân, không còn quan hệ qua lại gì về mặt tình cảm cũng như kinh tế.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông V yêu cầu được ly hôn với bà U.

Về con chung: Ông V và bà U có 02 con chung tên Nguyễn Hoàng Anh T, sinh ngày 03/11/2009 và Nguyễn Hoàng Mỹ T, sinh ngày 26/01/2015 hiện 02 con chung đang sống với bà U. Ông V đồng ý để bà U được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung. Ông V không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản khai và các biên bản làm việc tiếp theo tại Tòa án cũng như tại phiên tòa bị đơn – bà Hoàng Thị U trình bày:

Về thời gian, điều kiện và hoàn cảnh kết hôn như ông V trình bày là đúng, bà U không bổ sung gì thêm. Bà U và ông V chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân ông V và bà U bất đồng quan điểm, vợ chồng không có tiếng nói chung nên thường phát sinh cãi vã, bà U và ông V đã ngồi lại để giải quyết mâu thuẫn nhưng tình hình vẫn không có gì thay đổi. Từ đầu năm 2015 đến nay bà U và ông V sống ly thân, không còn quan hệ gì về tình cảm cũng như kinh tế.

Nay theo yêu cầu ly hôn của ông V thì bà U đồng ý ly hôn để mỗi người được ổn định cuộc sống riêng.

Về con chung: Bà U và ông V có 02 con chung tên Nguyễn Hoàng Anh T, sinh ngày 03/11/2009 và Nguyễn Hoàng Mỹ T, sinh ngày 26/01/2015. Hiện các con chung đang ở với bà U. Bà U yêu cầu nuôi dưỡng các con chung và tự nguyện không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà U không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phát biểu quan điểm của Kiểm sát viên: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng trình tự, thủ tục tố tụng được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của đương sự, nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu ly hôn và giải quyết con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Quan hệ tranh chấp: Ông Nguyễn Quốc V yêu cầu ly hôn, giải quyết con chung với bà Hoàng Thị U, đây là ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quy định tại khoản 1, Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn bà Hoàng Thị U có nơi cư trú tại địa bàn huyện XM theo điểm a, khoản 1, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự

năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Trong quá trình tham gia tố tụng, ông Nguyễn Quốc V có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy việc xét xử vắng mặt ông V là phù hợp với quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông V và bà U xây dựng gia đình vào năm 2009 có đăng ký kết hôn và được cấp giấy chứng nhận kết hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 136, quyển số 01 - 2009 ngày 23/10/2009 tại UBND xã PT, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu), xét đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Ông V và bà U chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung nên thường phát sinh cãi vã, ông V và bà U không tự giải quyết được nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Từ đầu năm 2015 đến nay ông V và bà U ly thân, không còn quan hệ qua lại gì về mặt tình cảm cũng như kinh tế.

Xét những phần trình bày của ông V và bà U là thống nhất. Xét yêu cầu của ông V cho thấy sau khi mâu thuẫn xảy ra, lẽ ra ông V và bà U phải cùng tìm cách khắc phục những mâu thuẫn của vợ chồng để cuộc sống chung được hạnh phúc và cùng nhau chăm sóc nuôi dạy con cái, nhưng từ đầu năm 2015 đến nay ông V và bà U ly thân, mạnh ai nấy sống, không quan tâm gì đến nhau. Sau khi ông V gửi đơn, Tòa án đã tiến hành nhiều phiên hòa giải để đoàn tụ vợ chồng nhưng không thể hòa giải được, ông V có đơn xin vắng mặt, không thể hiện có thiện chí hòa giải.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy, tình cảm vợ chồng của ông V và bà U thật sự không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông V đối với bà U.

[3] Về con chung: Ông V và bà U có 02 con chung tên Nguyễn Hoàng Anh T, sinh ngày 03/11/2009 và Nguyễn Hoàng Mỹ T, sinh ngày 26/01/2015. Hiện các con chung đang ở với bà U.

Xét yêu cầu của ông V cho thấy, ông V đồng ý giao 02 con chung cho bà U nuôi dưỡng. Bà U cũng có yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, xét nguyện vọng của cháu T cho thấy cháu có nguyện vọng ở với bà U. Do đó để tránh xáo trộn cuộc sống của con chung nên giao cháu T và cháu T cho bà U nuôi dưỡng là phù hợp. Bà U không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con là sự tự nguyện của bà U nên được chấp nhận.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Ông V và bà U không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Áp dụng Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, ông V phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1, Điều 28, điểm a, khoản 1, Điều 35, điểm a, khoản 1, Điều 39, Điều 147, Điều 227, 228, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Quốc V đối với bà Hoàng Thị U.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Quốc V được ly hôn với bà Hoàng Thị U.

2. Về con chung: Ông V và bà U có 02 con chung tên Nguyễn Hoàng Anh T, sinh ngày 03/11/2009 và Nguyễn Hoàng Mỹ T, sinh ngày 26/01/2015. Bà U được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung. Ông V không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Nguyễn Quốc V có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích mọi mặt của con, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Ông V và bà U không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Ông Nguyễn Quốc V phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm ông V đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004628 ngày 04/10/2018 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Ông V đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND huyện XM;
- Chi cục THADS huyện XM;
- UBND xã PT;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Thảo

